TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT
Ngày 04/6/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Xuân Lộc.
Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.
Bà Phạm Thị Minh Hiền.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 04/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLPT- DS ngày 28/3/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Toà án nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐ-PT ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai Th1, sinh năm 1987.
Ủy quyền cho: Anh Lê Văn H, sinh năm 1984 (có mặt)
Đều địa chỉ: B – H – HH – Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Chị Phan Trần Hoàng Y, sinh năm 1988
Địa chỉ: Khu X – Thị trấn Th – HH - Bắc Giang.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1/ Anh Lê Văn H, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: B – H – HH – Bắc Giang.
2/ Anh Ngô Quyết Th2, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu X – Thị trấn Th – HH - Bắc Giang.
3/ Chị Chu Thị Minh Ng, sinh năm 1986
Địa chỉ: D – Đ – HH – Bắc Giang
(chị Y, anh Th2, chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Mai Th1 - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai Th1 và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H trình bày: Do chị Th1 và chị Y có mối quan hệ đồng nghiệp, dạy cùng trường nên chị Th1 đã cho chị Y vay tiền nhiều lần (04 lần), cụ thể như sau: ngày 25/5/2013 cho vay 100.000.000 đồng; ngày 21/3/2014 cho vay 280.000.000 đồng; ngày 06/12/2014 cho vay 300.000.000đồng và ngày 12/12/2014 cho vay 110.000.000 đồng. Tổng số tiền cho vay là 790.000.000 đồng. Mỗi lần vay chị Y đều ký vào giấy vay tiền, ghi rõ thời hạn thanh toán, hầu hết là vay ngắn hạn (từ 25 ngày đến 6 tháng). Khi vay, chị Y thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 46 tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn D, xã Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG156272 do UBND huyện HH cấp ngày 26/10/2011 mang tên Chu Thị Minh Ng. Hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất và chị Y có trình bày mục đích vay để cho chồng đi học, xây dựng, mua sắm đồ dùng và lo công việc gia đình. Các lần vay anh Th2 (chồng chị Y) đều biết và để vợ đại diện đứng ra vay. Đến năm 2015, chị Y đã trả được tổng số tiền là 180.000.000đ, hai bên chốt lại còn nợ 610.000.000 đồng. Kể từ khi hai bên chốt nợ đến nay, chị Y còn trả lãi được nhiều lần với tổng số tiền là 30.000.000đ. Nay chị Th1 yêu cầu chị Y và anh Th2 trả số tiền gốc là 610.000.000 đồng và tiền lãi tính từ lần vay cuối cùng là 12/12/2014 đến nay theo mức lãi do pháp luật quy định.

Bị đơn là chị Phan Trần Hoàng Y thừa nhận các lần vay tiền của chị Th1 với tổng số tiền như chị Th1 đã trình bày. Việc vay tiền do một mình chị Y thực hiện với mục đích kinh doanh riêng, không phục vụ công việc gia đình, chị không nói cho chồng là anh Th2 biết. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngày (1.500đ/triệu/ngày). Tính đến cuối năm 2015, ngoài lãi suất đã trả thì chị đã trả cho chị Th1 được 180.000.000đ tiền gốc. Hai bên chốt số nợ gốc còn lại là 610.000.000đ. Cho đến nay chị còn trả cho vợ chồng chị Th1 nhiều lần được tổng cộng 113.000.000đ. Vì vậy, nay chị chỉ chấp nhận trả chị Th1 số tiền gốc còn lại là 497.000.000đ và xin trả dần, chị không chấp nhận trả lãi vì trước đó đã trả lãi suất cao (lãi ngày) cho chị Th1.

Tại Bản tự khai ngày 15/8/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Quyết Th2 trình bày: anh không biết về việc vợ anh là chị Phan Trần Hoàng Y vay tiền của chị Th1. Anh không được sử dụng số tiền vay này, chị Y cũng không chi tiêu số tiền vay cho công việc gia đình. Anh cũng không được chị Th1 cho biết về việc chị Y vay tiền của chị Th1. Vì vậy anh không đồng ý liên đới cùng chị Y trả nợ cho chị Th1.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2018, chị Chu Thị Minh Ng trình bày: Thửa đất số 46 tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn D, xã Đ, huyện HH thuộc quyền sử dụng của chị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG156272 ngày 26/10/2011 của UBND huyện HH. Trước đó giữa chị và chị Y có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhau, chị có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho chị Y. Tuy nhiên sau đó hai bên không tiến hành mua bán nữa nhưng chị Y chưa trả lại cho chị. Chị không biết việc chị Y thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị cho chị Th1 để vay tiền nên chị Yêu cầu chị Th1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Toà án nhân dân huyện HH đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự (2015); các Điều 281, 471, 474, 476 – Bộ luật dân sự (2005) và Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Th1: Buộc Chị Phan Trần Hoàng Y phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Th1 – anh Lê Văn H số tiền gốc là 610.000.000đ và tiền lãi suất là 141.257.500đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 751.257.500đ (bảy trăm năm mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị Mai Th1 hoàn trả cho chị Phan Trần Hoàng Y Giấy chứng nhận QSD đất số BG156272 ngày 26/10/2011 của UBND huyện HH mang tên chị Chu Thị Minh Ng.

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai Th1 về việc yêu cầu anh Ngô Quyết Th2 liên đới trả nợ cùng chị Phan Trần Hoàng Y.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/02/2019, chị Nguyễn Thị Mai Th1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ông Ngô Quyết Th2 có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng chị Phan Trần Hoàng Y. Yêu cầu chị Chu Thị Minh Ng liên đới trong việc trả nợ

Tại phiên toà phúc thẩm, anh Lê Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, và đơn kháng cáo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, để không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai Th1, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Đối với kháng cáo về việc yêu cầu anh Ngô Quyết Th2 phải liên đới trả nợ cùng chị Y: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ gì mới. Chị Th1 là nguyên đơn khởi kiện về 4 hợp đồng vay tài sản (tiền) đối với chị Phan Trần Hoàng Y, do chị Y một mình kí nhận và chị Y đã thừa nhận số tiền vay nợ theo khởi kiện của

nguyên đơn. Nội dung này các bên đương sự không có ai kháng cáo. Chị Y khai chị vay tiền của chị Th1 thì anh Th2 chồng chị không biết, chị kinh doanh trên mạng và bị lừa hết tiền. Anh Th2 khai không biết chị Y vợ anh vay tiền của chị Th1, và chị Y không dùng số tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên anh không chịu trách nhiệm. Phía nguyên đơn có khai anh Th2 có biết việc chị Y vay tiền của nguyên đơn, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh về việc anh Th2 biết, và việc chị Y vay tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình chị Y. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình thì việc chị Y một mình kí giấy vay nợ chị Th1, để kinh doanh trên mạng và bị lừa hết tiền là hành vi kinh doanh trái pháp luật. Vì vậy, anh Th2 chồng chị Y không phải chịu trách nhiệm. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị Th1 về nội dung này.

[1.2] Đối với nội dung kháng cáo về việc yêu cầu chị Chu Thị Minh Ng liên đới trong việc trả nợ thì thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm chị Th1 là nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết về nội dung này, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền giải quyết theo quy định tại Điều 17 Bộ luật tố tụng dân sự "Bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm".

[2] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Áp dụng các Điều 26; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 281; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Th1: Buộc Chị Phan Trần Hoàng Y phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Th1 – anh Lê Văn H số tiền gốc là 610.000.000đ và tiền lãi suất là 141.257.500đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 751.257.500đ (bảy trăm năm mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị Mai Th1 hoàn trả cho chị Phan Trần Hoàng Y Giấy chứng nhận QSD đất số BG156272 ngày 26/10/2011 của UBND huyện HH mang tên chị Chu Thị Minh Ng.

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai Th1 về việc yêu cầu anh Ngô Quyết Th2 liên đới trả nợ cùng chị Phan Trần Hoàng Y.

[2]. Án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Trần Hoàng Y phải chịu 34.050.300đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai Th1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng chị Th1 đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0000998 ngày 21/02/2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Th1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện HH;
-Chi cục THADS huyện HH;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lương Xuân Lộc